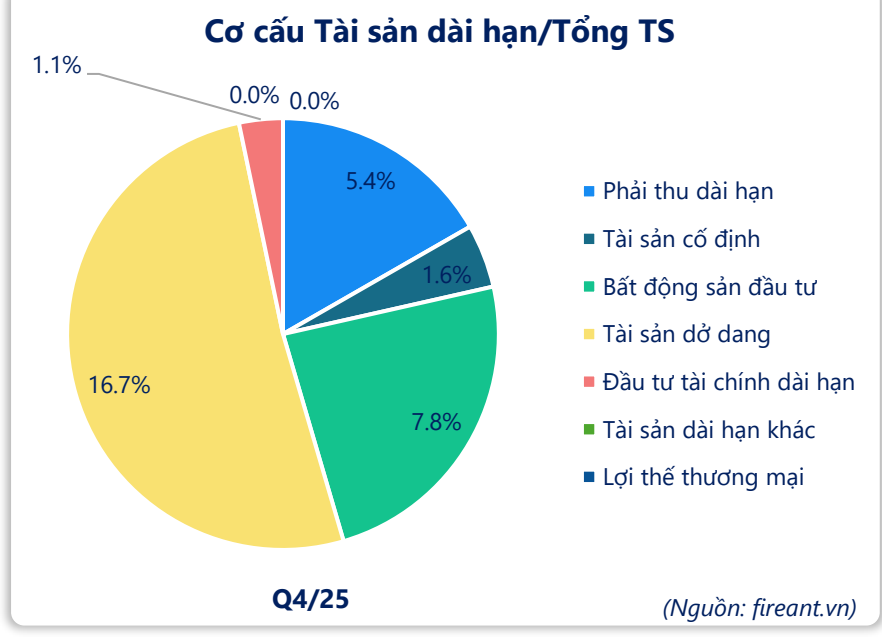
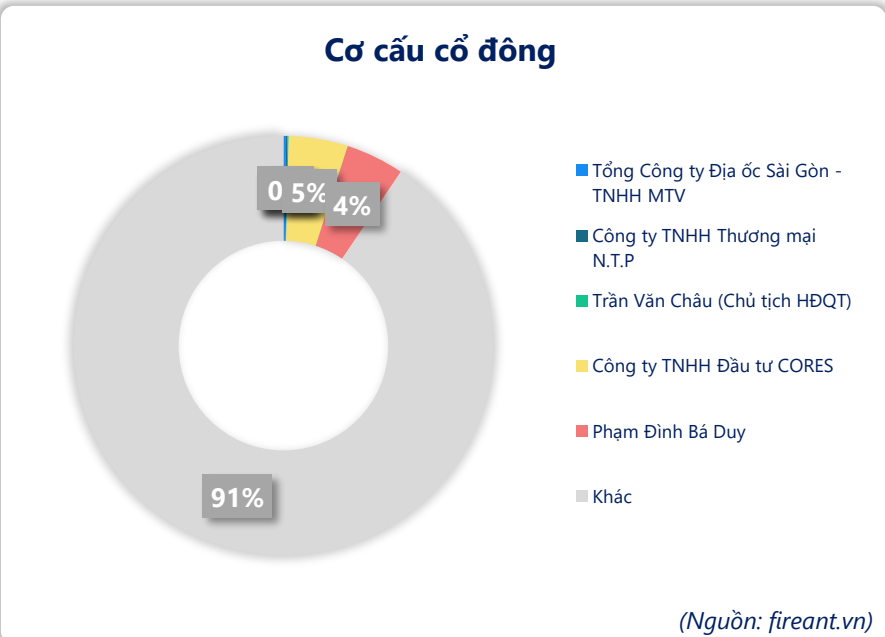
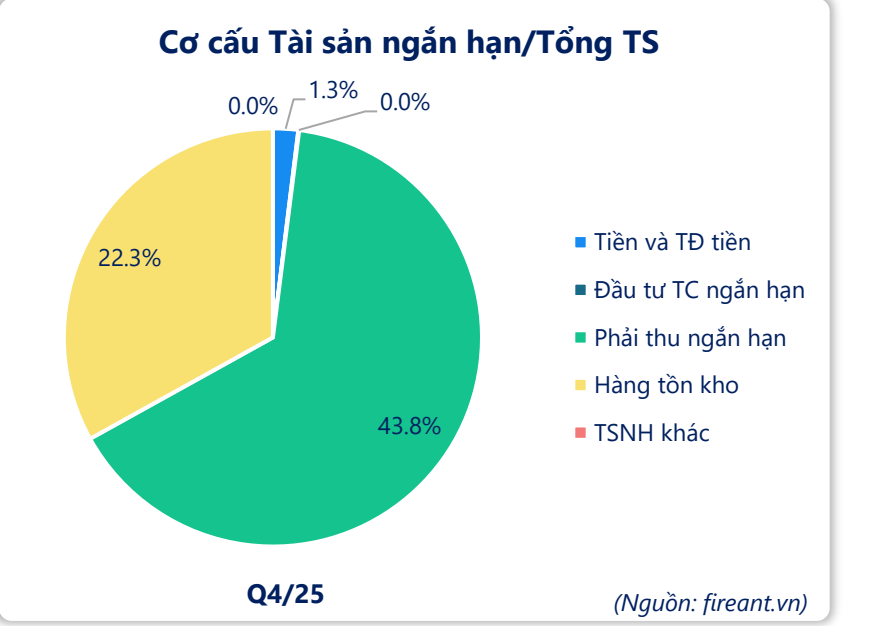
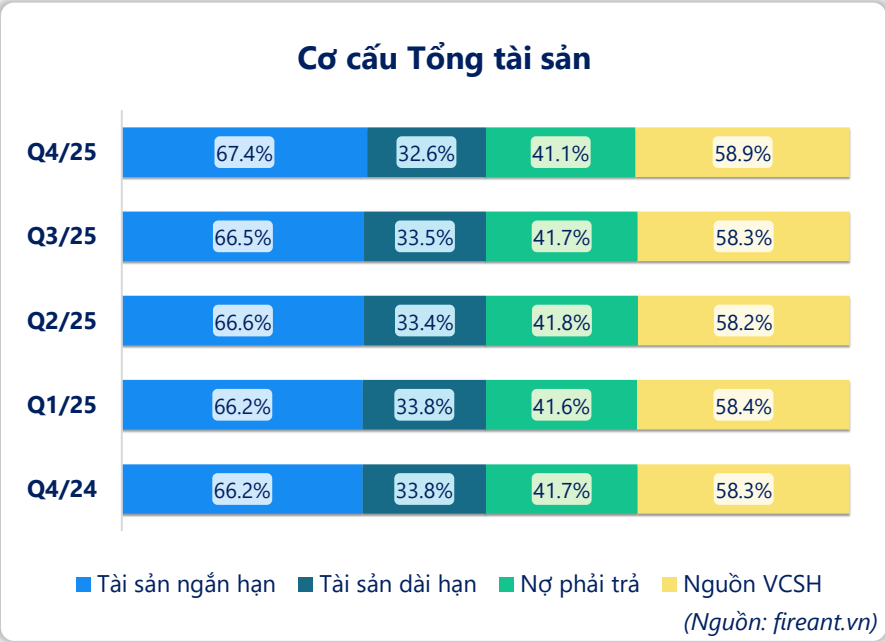
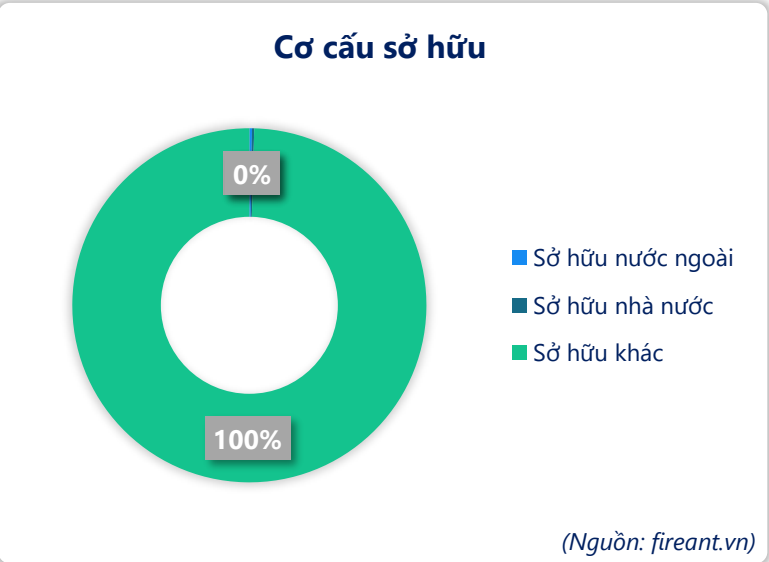
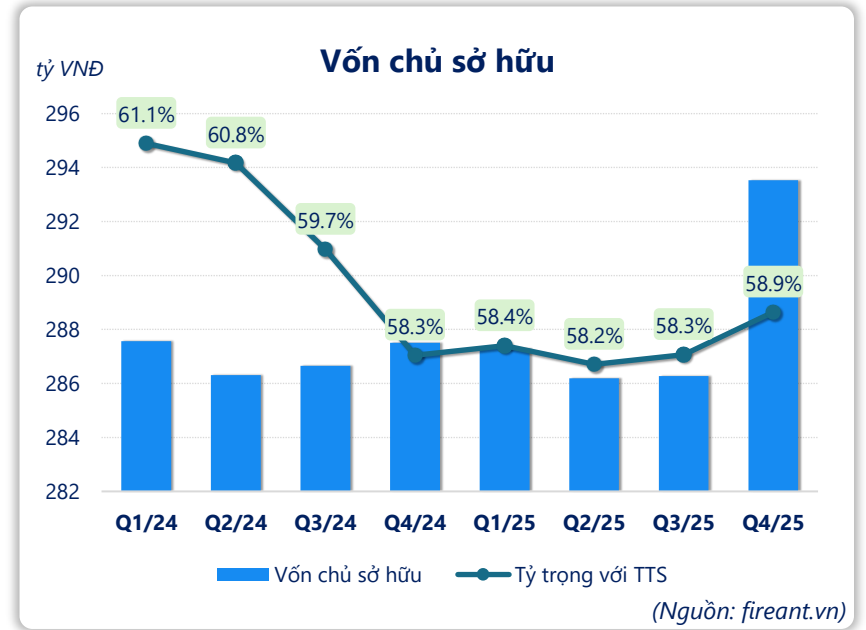
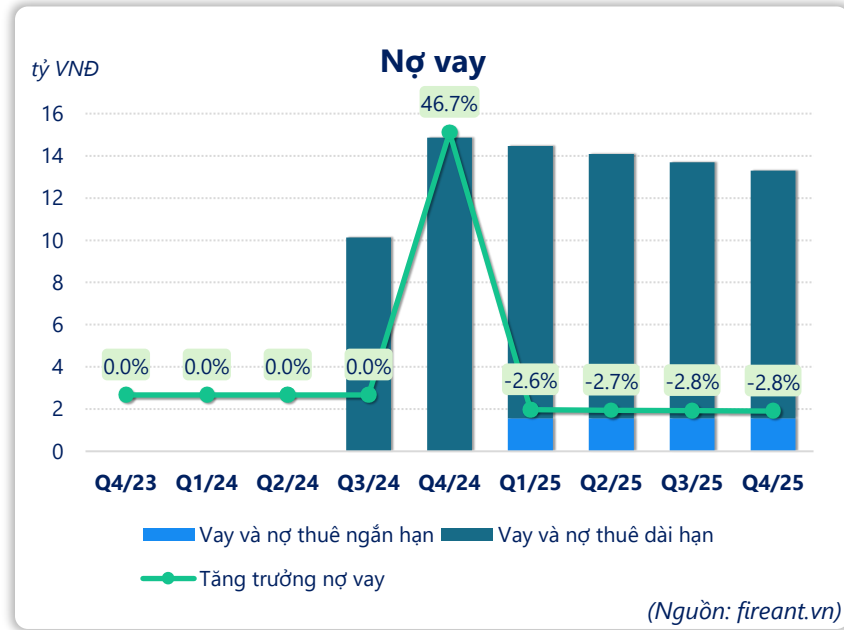
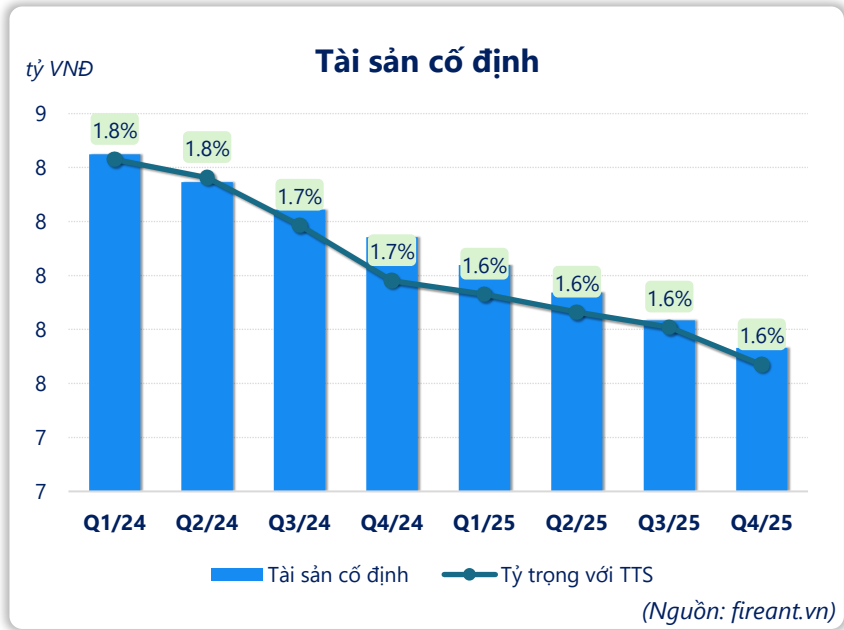
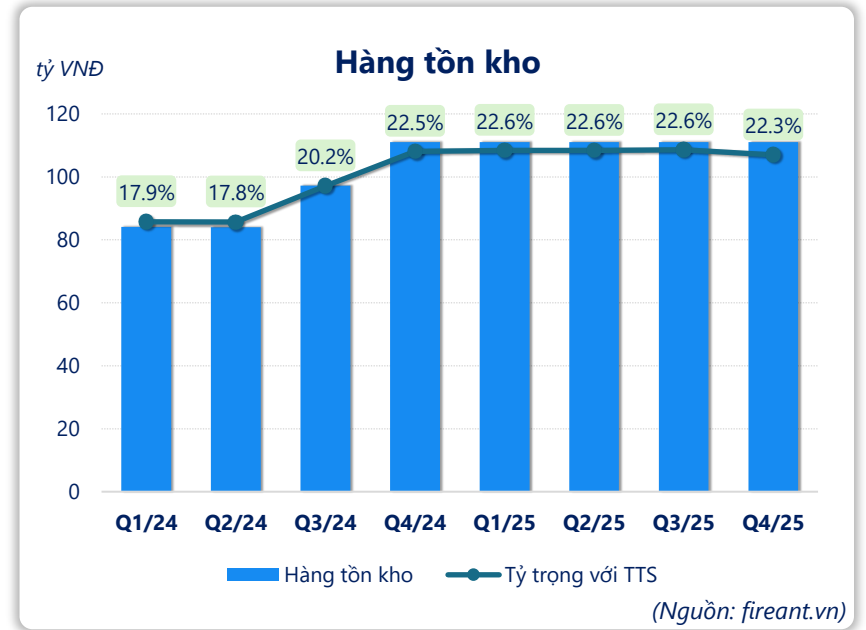
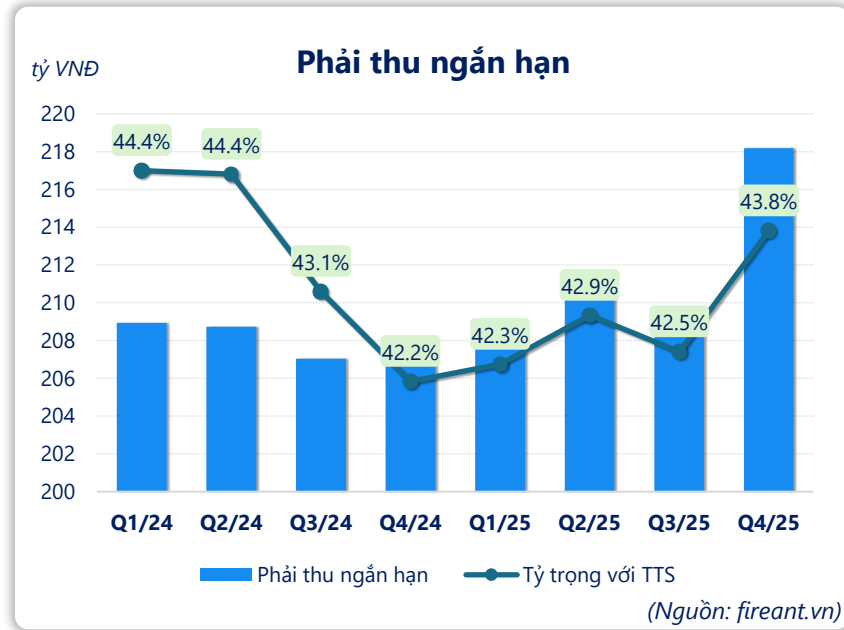
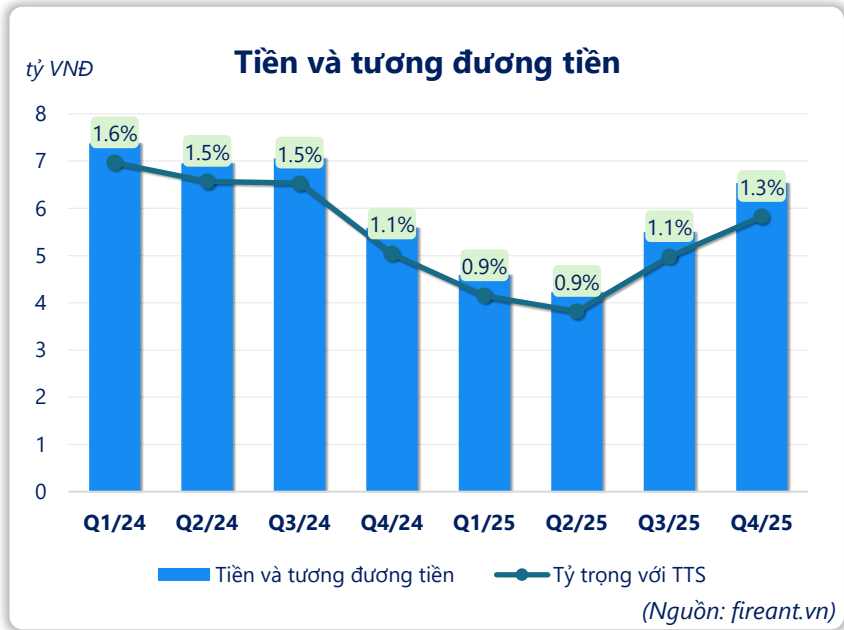
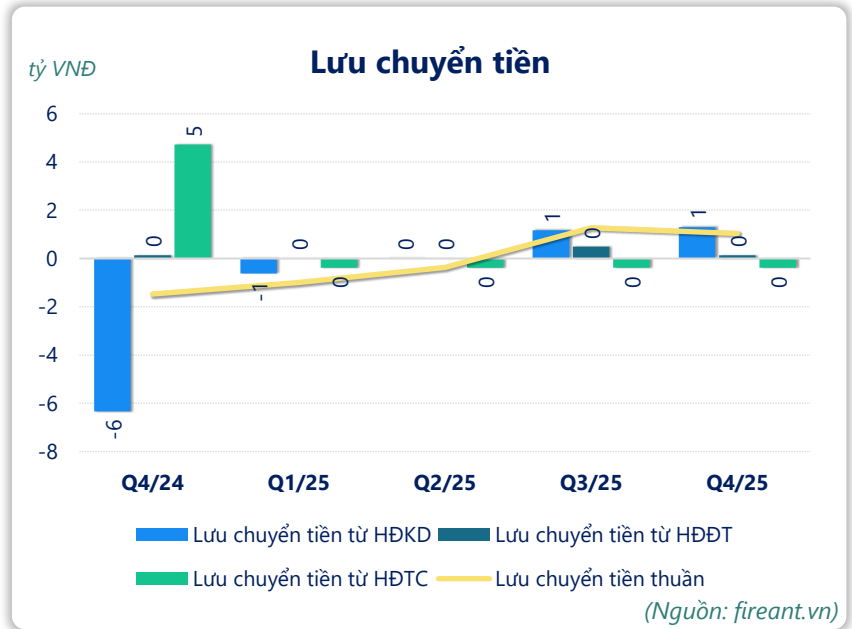
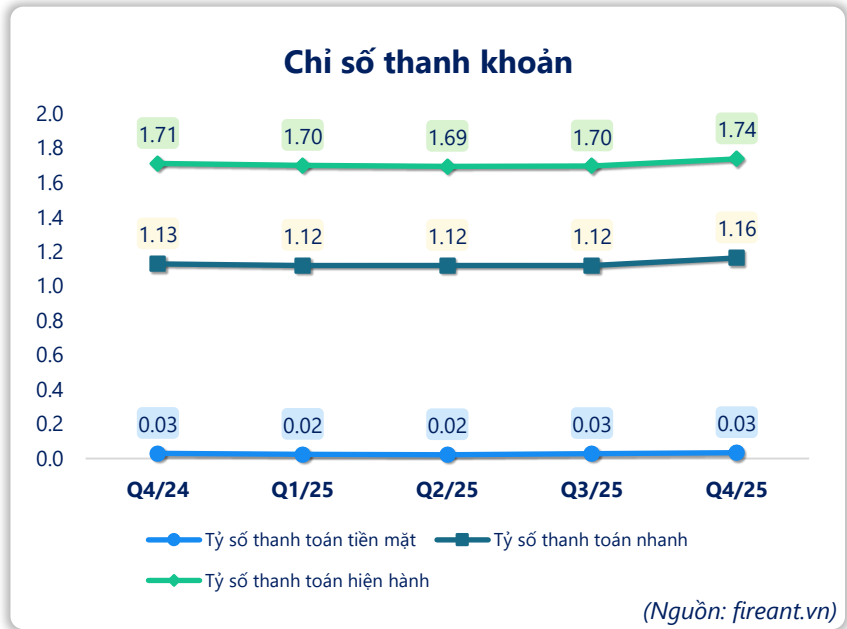
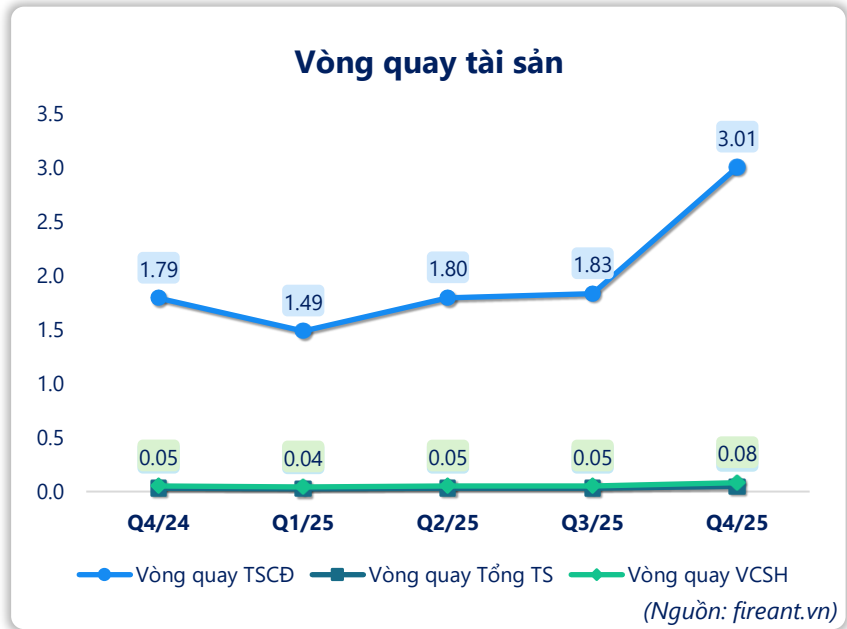
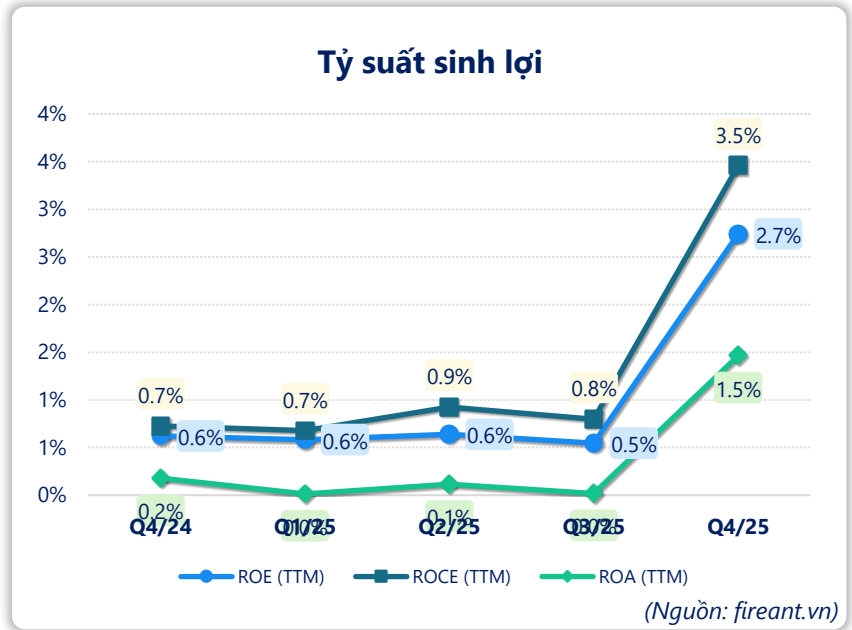
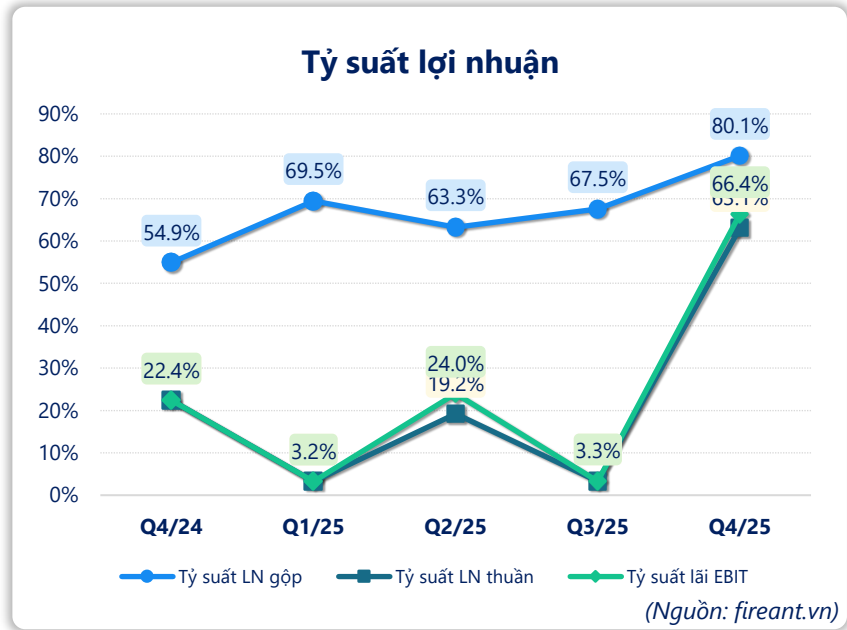
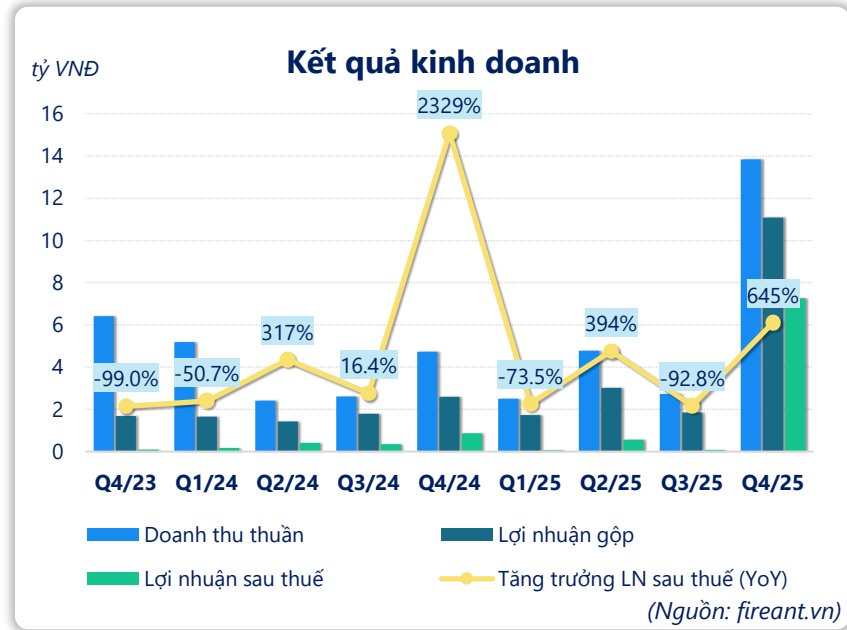


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,630
SL cổ phiếu LH		14,135,751
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,755
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		175
P/E		22.0
EPS		563

	YTD	1T	3T	6T
RCL	6.6%	-7.5%	-4.6%	-8.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	499	493	1.2%
Tài sản ngắn hạn	336	326	2.9%
Tiền và tương đương tiền	6.54	5.59	17.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.22	0	
Phải thu ngắn hạn	218	208	4.9%
Hàng tồn kho	111	111	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	1.82	-100%
Tài sản dài hạn	163	166	-2.3%
Phải thu dài hạn	27.2	27.2	0.0%
Tài sản cố định	7.73	8.14	-5.0%
Bất động sản đầu tư	39.0	41.7	-6.4%
Tài sản dở dang	83.3	84.1	-0.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.33	5.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	205	206	-0.3%
Nợ ngắn hạn	193	192	0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.56	1.56	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	10.1	-0.7%
Nợ dài hạn	11.7	13.3	-11.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.7	13.3	-11.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	294	287	2.2%
Vốn chủ sở hữu	294	287	2.2%
Vốn điều lệ	141	139	2.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	4.73	2.50	4.77	2.73	13.8
Giá vốn hàng bán	2.13	0.76	1.75	0.89	2.75
Lợi nhuận gộp	2.60	1.74	3.02	1.84	11.1
Doanh thu HĐTC	0.14	0.01	0.49	0.02	0.13
Chi phí TC	-0.07	0	0.48	0.02	0.47
Chi phí lãi vay	0	0	0.48	0	0.46
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.75	1.67	2.12	1.75	2.02
LN thuần từ HĐKD	1.06	0.08	0.92	0.09	8.73
Lợi nhuận khác	0	0	-0.25	0	0
LN trước thuế	1.06	0.08	0.67	0.09	8.73
Lợi nhuận sau thuế	0.86	0.07	0.56	0.08	7.26
LNST của CĐ cty mẹ	0.86	0.07	0.56	0.08	7.26

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.34	-0.62	0.01	1.17	1.30
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.14	0.01	0.01	0.50	0.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.73	-0.39	-0.39	-0.39	-0.39
Tiền đầu kỳ	7.06	5.59	4.59	4.22	5.50
Lưu chuyển tiền thuần	-1.47	-1.00	-0.36	1.27	1.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.59	4.59	4.22	5.50	6.54

(Nguồn: fireant.vn)